

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27/8/2019

V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Bảy Nhỏ

Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Nguyễn Mộng Cẩm – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 186/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019, về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1987 (Có mặt).

Địa chỉ: khu vực A, Phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Chị Hà Thị Mỹ D, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã P, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai cùng ngày 21/5/2019, và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh và chị Hà Thị Mỹ D thành hôn vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường T, quận B, thành phố Cần Thơ ngày 03/12/2010. Thời gian vợ chồng chung sống được khoảng 03 năm, suốt thời gian chung sống không có hạnh phúc do bất đồng quan điểm thường xuyên cự

cải nên vợ chồng đã cắt đứt quan hệ từ năm 2016 đến nay. Anh đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên anh yêu cầu được ly hôn với chị D. Về con chung, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Duy T2, sinh ngày 11/6/2011 hiện đang sống chung với anh. Anh yêu cầu được nuôi tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn chị Hà Thị Mỹ D, phía chị D không trình bày ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án và không tham gia các phiên hòa giải. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên tòa nhưng chị D vẫn vắng mặt không lý do.

Tại biên bản xác minh ngày 15/7/2019 ông Hà Văn T3 cha ruột của chị Hà Thị Mỹ D trình bày: Thời gian anh H và chị D sống chung không biết xảy ra mâu thuẫn gì, chị D nói muốn ly hôn và đi ra Q làm nên vợ chồng đã cắt đứt quan hệ khoảng 03 năm nay. Khi nhận được thông báo và các văn bản tố tụng của tòa án, ông có thông báo cho chị D biết nhưng do ở xa, thường xuyên có bão nên chị D không về theo triệu tập của Tòa án. Từ khi chị D không sống chung với anh H đến nay, anh H chăm sóc nuôi dưỡng cháu T2 cũng chu đáo và cũng thường xuyên đưa cháu T2 về thăm ông bà vào ngày nghỉ lễ, Tết.

Tại phiên Tòa:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện cơ bản đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến, không tham gia các phiên hòa giải, phiên họp công khai chứng cứ và phiên tòa là vi phạm quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

- Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Hà Thị Mỹ D.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy T2, sinh ngày 11/6/2010 cho anh Nguyễn Văn H tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Hà Thị Mỹ D không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền nghĩa vụ thăm nom chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn chị Hà Thị Mỹ D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn chị Hà Thị Mỹ D.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Hà Thị Mỹ D thành hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã phường T, quận B, thành phố Cần Thơ ngày 03/12/2010 nên xem đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Quá trình chung sống anh Nguyễn Văn H trình bày vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên chị Hà Thị Mỹ D đã bỏ đi và vợ chồng đã cắt đứt quan hệ khoảng 03 năm. Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập đương sự đến tham gia phiên hòa giải nhiều lần nhằm giúp đỡ anh H, chị D đoàn tụ nhưng chị D không tham gia các phiên hòa giải. Chứng tỏ, chị D không mong muốn vợ chồng đoàn tụ và thống nhất yêu cầu khởi kiện của anh H. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị D lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Nguyễn Văn H là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Giữa anh Nguyễn Văn H và chị Hà Thị Mỹ D có 01 con chung là Nguyễn Duy T2, sinh ngày 11/6/2010 hiện đang sống chung với anh H. Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi giữa anh H, chị D không sống chung đến nay, anh H chăm sóc, nuôi dưỡng con vẫn đảm bảo. Mặt khác, cháu T2 hiện trên 07 tuổi và tại văn bản ngày 15/7/2019 cháu T2 trình bày nguyện vọng cháu được sống chung với cha. Để đảm bảo cho việc phát triển bình thường, ổn định cuộc sống và theo nguyện vọng của cháu T2. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Nguyễn Duy T2, sinh ngày 11/6/2011 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Anh H là người đang trực tiếp nuôi con nhưng anh H không yêu cầu chị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn anh Nguyễn văn H có nghĩa vụ nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn H.
2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn H ly hôn với chị Hà Thị Mỹ D
3. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy T2, sinh ngày 11/6/2011 cho anh Nguyễn Văn H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị Hà Thị Mỹ D không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn anh Nguyễn Văn H nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0015366 ngày 21/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, anh H đã nộp đủ.
5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các

Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể ngày tuyên án, riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ;
- Chi cục Thi hành án huyện;
- Ủy ban nhân dân phường T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga